

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIỀN ĐỘNG**

**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG TẶNG QUÀ NHÂN KỶ NIỆM 74 NĂM NGÀY THƯƠNG BINH-LIỆT
XÃ TIỀN ĐỘNG**

STT	Người nhận			Liệt sĩ			Số tiền
	Họ và tên	Xã (phường, thị trấn)	Số sổ trợ cấp	Họ và tên	Số quyết định thời cúng	Ngày tháng QĐ thời cúng	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Bà mẹ VNAH đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.						
1	Đồng Thị Xòe		8534	Đinh Xuân Trường Đinh Văn Thịnh			50,000
II	Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.						
1	Nguyễn Trọng Diễm	Tiên Động	16787				50,000
2	Võ Đức Dẫn	Tiên Động	16695				50,000
3	Phạm Ngọc Minh	Tiên Động	16727				50,000
4	Vũ Xuân Hà	Tiên Động	27174				50,000
III	Thân nhân hai LS trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng.						
01	Phạm Thị Chử	Tiên Động	8529				50,000
IV	Thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 80% trở xuống đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng. Thương binh hưởng chế độ MSLĐ						
1	Đoàn Văn Y	Tiên Động	44803				50,000
2	Nguyễn Trọng Bằng	Tiên Động	18006				50,000
3	Nguyễn Tuấn Ba	Tiên Động	18197				50,000
4	Đỗ Đình Cải	Tiên Động	18587				50,000
5	Phan Ngọc Giao	Tiên Động	19792				50,000
6	Lương Đức Hậu	Tiên Động	20254				50,000
7	Đinh Ngọc Hoan	Tiên Động	20663				50,000
8	Trịnh Văn Kha	Tiên Động	20984				50,000
9	Vũ Xuân Lánh	Tiên Động	21372				50,000
10	Đinh Đức Lâm	Tiên Động	21382				50,000

STT	Người nhận			Liệt sĩ			Số tiền
	Họ và tên	Xã (phường, thị trấn)	Số sổ trợ cấp	Họ và tên	Số quyết định thờ cúng	Ngày tháng QĐ thờ cúng	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
11	Nguyễn Xuân Lạp	Tiên Động	21497				50,000
12	Lương Xuân Phan	Tiên Động	23412				50,000
13	Phùng Đăng Chu	Tiên Động	1919				50,000
14	Nguyễn Văn Diễm	Tiên Động	17655				50,000
15	Phạm Văn Điều	Tiên Động	17705				50,000
16	Nguyễn Văn Bình	Tiên Động	18059				50,000
17	Nguyễn Hữu Chính	Tiên Động	19222				50,000
18	Nguyễn Xuân Kỳ	Tiên Động	21330				50,000
19	Phạm Đình Thi	Tiên Động	25068				50,000
20	Nguyễn Văn Trùy	Tiên Động	26118				50,000
21	Nguyễn Từ Liêm	Tiên Động	21616				50,000
22	Phạm Đình Nhân	Tiên Động	22744				50,000
23	Nguyễn Văn Quang	Tiên Động	23443				50,000
24	Nguyễn Văn Nhiên	Tiên Động	14565				50,000
25	Đặng Đình Khoa	Tiên Động	21122				50,000
26	Đặng Trung Lạc	Tiên Động	21468				50,000
27	Bùi Phú Nghi	Tiên Động	22526				50,000
28	Đặng Ngọc Quyết	Tiên Động	23612				50,000
29	Đào Công Thông	Tiên Động	24544				50,000
30	Bùi Phú Thật	Tiên Động	25043				50,000
31	Nguyễn Hữu Thuần	Tiên Động	25424				50,000
68	Phạm Văn Cường	Tiên Động	50261				50,000
32	Nguyễn Văn Cử	Tiên Động	904				50,000
33	Nguyễn Văn Quý	Tiên Động	905				50,000
34	Lâm Văn Hùng	Tiên Động	906				50,000
35	Phạm Thị Thành	Tiên Động	907				50,000
36	Lâm Văn Thuận	Tiên Động	911				50,000
37	Lương Văn Nuôi	Tiên Động	912				50,000
38	Phùng Minh Chỉ	Tiên Động	913				50,000

STT	Người nhận			Liệt sĩ			Số tiền	K
	Họ và tên	Xã (phường, thị trấn)	Số sổ trợ cấp	Họ và tên	Số quyết định thờ cúng	Ngày tháng QĐ thờ cúng		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
39	Vũ Minh Năng	Tiên Động	914				50,000	
40	Phạm Xuân Yên	Tiên Động	923				50,000	
41	Nguyễn Tiến Râm	Tiên Động	925				50,000	
42	Nguyễn Ngọc Đạo	Tiên Động	908				50,000	
43	Nguyễn Thị Thanh	Tiên Động	920				50,000	
44	Đinh Đức Tiến	Tiên Động	28527				50,000	
45	Nguyễn Hữu Tiền	Tiên Động	922				50,000	
46	Nguyễn Đức Thuận	Tiên Động	28899				50,000	
47	Đinh Thanh Thơ	Tiên Động	28808				50,000	
48	Nguyễn Quang Khoát	Tiên Động	29278				50,000	
49	Nguyễn Đức Thịnh	Tiên Động	30099				50,000	
50	Nguyễn Thanh Chu	Tiên Động	30536				50,000	
51	Phùng Duy Đán	Tiên Động	30616				50,000	
52	Lương Bình Nguyên	Tiên Động	30972				50,000	
53	Đinh Văn Trạc	Tiên Động	31028				50,000	
54	Nguyễn Viết	Tiên Động	26728				50,000	
55	Lương Trọng Tài	Tiên Động	31312				50,000	
56	Đinh Xuân Chương	Tiên Động	32952				50,000	
57	Nguyễn Ngọc Kha	Tiên Động	32143				50,000	
58	Nguyễn Đức Tường	Tiên Động	32405				50,000	
59	Trần Xuân Dũng	Tiên Động	32419				50,000	
60	Phùng Tiến Thành	Tiên Động	27381				50,000	
61	Lâm Thế Huyền	Tiên Động	27540				50,000	
62	Phạm Minh Ngọ	Tiên Động	915				50,000	
63	Phạm Văn Thai	Tiên Động	29001				50,000	
64	Phạm Quang Vịnh	Tiên Động	29721				50,000	
65	Phạm Văn Hằng	Tiên Động	30312				50,000	
66	Phạm Văn Dự	Tiên Động	31016				50,000	
67	Phạm Quang Xứng	Tiên Động	31656				50,000	

STT	Người nhận			Liệt sĩ			Số tiền
	Họ và tên	Xã (phường, thị trấn)	Số sổ trợ cấp	Họ và tên	Số quyết định thời cúng	Ngày tháng QĐ thời cúng	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
							50,000
69	Phạm Minh Lượng	Tiên Động	21692				50,000
70	Nguyễn Hữu Tuyên	Tiên Động	921				50,000
71	Nguyễn Đức Cự	Tiên Động	29503				50,000
72	Phạm Khắc Tiến	Tiên Động	31747				50,000
73	Đỗ Trọng Kiểm	Tiên Động	31790				50,000
74	Nguyễn Công Thắng	Tiên Động	31839				50,000
75	Phạm Xuân Mốt	Tiên Động	909				50,000
76	Đinh Xuân Xoài	Tiên Động	916				50,000
77	Nguyễn Trọng Bảo	Tiên Động	917				50,000
78	Phạm Khắc Xứng	Tiên Động	918				50,000
79	Đinh Xuân Trụ	Tiên Động	28538				50,000
80	Đinh Xuân Ngái	Tiên Động	29561				50,000
81	Phạm Văn Sơn	Tiên Động	32408				50,000
82	Nguyễn Thị Lựa	Tiên Động	910				50,000
83	Phạm Đắc Toàn	Tiên Động	924				50,000
84	Nguyễn Văn Ân	Tiên Động	30710				50,000
V	Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 80% trở xuống đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng.						
1	Trần Quốc Lực	Tiên Động	33181				50,000
2	Phùng Quang Hợp	Tiên Động	33174				50,000
3	Nguyễn Quang Vinh	Tiên Động	38660				50,000
4	Phùng Văn Đàm	Tiên Động	39919				50,000
5	Nguyễn Ánh	Tiên Động	46852				50,000
6	Đinh Trạch	Tiên Động	46028				50,000
7	Nguyễn Văn Xô	Tiên Động	49492				50,000
8	Phạm Văn Tẩn	Tiên Động	37769				50,000
9	Phạm Văn Biên	Tiên Động	37771				50,000
10	Phạm Văn Kiên	Tiên Động	33178				50,000

STT	Người nhận			Liệt sĩ			Số tiền
	Họ và tên	Xã (phường, thị trấn)	Số sổ trợ cấp	Họ và tên	Số quyết định thờ cúng	Ngày tháng QĐ thờ cúng	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
11	Nguyễn Văn Luyện	Tiên Động	13854				50,000
12	Phạm Văn Nghi	Tiên Động	40333				50,000
13	Phạm Văn Nhật	Tiên Động	37768				50,000
14	Đặng Trung Thành	Tiên Động	44884				50,000
15	Đào Công Mẫn	Tiên Động	25294				50,000
16	Vũ Hồng Thanh	Tiên Động	37770				50,000
17	Đinh Đại Độ	Tiên Động	49791				50,000
18	Nguyễn Hữu Hiệp	Tiên Động	49958				50,000
VI	Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đầy						
1	Đinh Đắc Khâm	Tiên Động	36961				50,000
2	Đinh Văn Cao	Tiên Động	40874				50,000
3	Phạm Văn Diệu	Tiên Động	36963				50,000
4	Vũ Xuân Trà	Tiên Động	36962				50,000
VII	Đại diện thân nhân của liệt sỹ (bố, mẹ; vợ hoặc chồng; con; người có công nuôi dưỡng liệt sỹ)						
1	Đồng Thị Xòe	Tiên Động	8534	Đinh Xuân Trường			50,000
2	Đồng Thị Xòe	Tiên Động	8534	Đinh Văn Thịnh			50,000
3	Phạm Thị Nôn	Tiên Động	8504	Nguyễn Văn Phòng			50,000
4	Đoàn Thị Sô	Tiên Động	8527	Nguyễn Văn Đoàn			50,000
5	Nguyễn Thị Khen	Tiên Động	8531	Nguyễn Văn Sùng			50,000
6	Lương Thị Bằng	Tiên Động	8538	Nguyễn Văn Liễu			50,000
7	Phạm Thị Đĩnh	Tiên Động	8518	Lâm Quang Huy			50,000
8	Nguyễn Thị Nuôi	Tiên Động	8524	Nguyễn Đình Văn			50,000
9	Phạm Thị Phòng	Tiên Động	8532	Nguyễn Văn Ba			50,000
10	Trần Thị Hữu	Tiên Động	8499	Phạm Xuân Trung			50,000
11	Phạm Thị Gióc	Tiên Động	8502	Phạm Văn Thám			50,000
12	Nguyễn Văn Toàn	Tiên Động	8508	Nguyễn Văn Toàn			50,000
13	Nguyễn Thị Nhân	Tiên Động	8522	Nguyễn Hữu Mạc			50,000

STT	Người nhận			Liệt sĩ			Số tiền
	Họ và tên	Xã (phường, thị trấn)	Số sổ trợ cấp	Họ và tên	Số quyết định thờ cúng	Ngày tháng QĐ thờ cúng	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
14	Đặng Thị Mượt	Tiên Động	8509	Nguyễn Văn lân			50,000
15	Bùi Thị Hai	Tiên Động	8514	Bùi Phú Gọng			50,000
16	Trần Thị Tài	Tiên Động	8521	Nguyễn Văn Nhuần			50,000
17	Phạm Công Mậu	Tiên Động	8523	Phạm Công Huy			50,000
18	Nguyễn Thị Chép	Tiên Động	8526	Đặng Văn Khẩu			50,000
19	Phạm Thị Thiện	Tiên Động	8506	Trần Văn Truyền			50,000
20	Nguyễn Thị Chuốc	Tiên Động	8517	Trần Văn Bảng			50,000
21	Phạm Thị Cận	Tiên Động	8501	Trần Văn Nguyên			50,000
22	Nguyễn Thị Nha	Tiên Động	8503	Đặng Chí Trung			50,000
23	Phạm Thị The	Tiên Động	8536	Nguyễn Quang Khởi			50,000
24	Trần Thị Tại	Tiên Động	8537	Nguyễn Văn Thịnh			50,000
VIII Đại diện gia đình thờ cúng liệt sĩ							
1	Vũ Văn Lượng	Tiên Động		Vũ Đình Nặng	18494	8/5/2014	50,000
2	Nguyễn Văn Minh	Tiên Động		Nguyễn Văn Nhân	18493	8/5/2014	50,000
3	Phạm Văn Nhật	Tiên Động		Phạm Văn Nguyệt	18492	8/5/2014	50,000
4	Phạm Văn Nhật	Tiên Động		Phạm Văn Thìn	18491	8/5/2014	50,000
5	Nguyễn Văn Khương	Tiên Động		Nguyễn Văn Căn	18490	8/5/2014	50,000
6	Nguyễn Đức Chinh	Tiên Động		Nguyễn Văn Khôi	18489	8/5/2014	50,000
7	Phạm Văn Tân	Tiên Động		Lâm Văn Mọi	18488	8/5/2014	50,000
8	Nguyễn Văn Nho	Tiên Động		Nguyễn Văn Tảo	18487	8/5/2014	50,000
9	Nguyễn Thị Tâm	Tiên Động		Nguyễn Văn Lương	18486	8/5/2014	50,000
10	Lương Minh Sơn	Tiên Động		Lâm Đức Toàn	18485	8/5/2014	50,000
11	Nguyễn Văn Vính	Tiên Động		Nguyễn Văn Vỵ	2548	11/6/2021	50,000
12	Phạm Thị Tươi	Tiên Động		Phạm Văn Chính	18483	8/5/2014	50,000
13	Đoàn Xuân Tăng	Tiên Động		Đoàn Văn Tri	18482	8/5/2014	50,000

STT	Người nhận			Liệt sĩ			Số tiền
	Họ và tên	Xã (phường, thị trấn)	Số sổ trợ cấp	Họ và tên	Số quyết định thờ cúng	Ngày tháng QĐ thờ cúng	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
14	Lương Xuân Chủ	Tiên Động		Lương Xuân Dân	18481	8/5/2014	50,000
15	Lâm Quang Vực	Tiên Động		Lâm Văn Phú	18480	8/5/2014	50,000
16	Đinh Văn Sỹ	Tiên Động		Đinh Văn Oanh	18479	8/5/2014	50,000
17	Nguyễn Tuấn Ba	Tiên Động		Nguyễn Văn Bốn	18478	8/5/2014	50,000
18	Trần Xuân Lùng	Tiên Động		Trần Văn Sở	18477	8/5/2014	50,000
19	Trần Xuân Lùng	Tiên Động		Trần Văn Cơ	18476	8/5/2014	50,000
20	Nguyễn Thị Hòa	Tiên Động		Trần Văn Chanh	18475	8/5/2014	50,000
21	Nguyễn Thị Hòa	Tiên Động		Trần Văn Chiến	18474	8/5/2014	50,000
22	Trịnh Thị Nhiều	Tiên Động		Đinh Văn Quảng	18473	8/5/2014	50,000
23	Nguyễn Văn Trung	Tiên Động		Nguyễn Văn Quý	18472	8/5/2014	50,000
24	Nguyễn Văn Côi	Tiên Động		Nguyễn Văn Lý			50,000
25	Trịnh Minh Dũng	Tiên Động		Trịnh Ngọc Bảo	18470	8/5/2014	50,000
26	Đinh Ngọc Toàn	Tiên Động		Đinh Công Đức	18469	8/5/2014	50,000
27	Nguyễn Tiến Râm	Tiên Động		Nguyễn Văn Dương	18468	8/5/2014	50,000
28	Nguyễn Tiến Râm	Tiên Động		Nguyễn Văn Viết	18467	8/5/2014	50,000
29	Phạm Văn Quân	Tiên Động		Phạm Xuân Hồng	18466	8/5/2014	50,000
30	Nguyễn Đức Kỳ	Tiên Động		Nguyễn Đức Hoạt	18465	8/5/2014	50,000
31	Nguyễn Văn Nhân	Tiên Động		Nguyễn Văn Tri	18464	8/5/2014	50,000
32	Nguyễn Thị Trân	Tiên Động		Phạm Văn Mạnh	18463	8/5/2014	50,000
33	Phạm Văn Đoàn	Tiên Động		Phạm Văn Phúc	18462	8/5/2014	50,000
34	Lương Văn Đăng	Tiên Động		Lương Văn Bảng	18461	8/5/2014	50,000
35	Nguyễn Văn Lập	Tiên Động		Nguyễn Minh Tuyết	18460	8/5/2014	50,000
36	Đoàn Minh Tuấn	Tiên Động		Nguyễn Văn Thọ	18459	8/5/2014	50,000
37	Nguyễn Văn Tình	Tiên Động		Nguyễn Thế Vui	18458	8/5/2014	50,000

STT	Người nhận			Liệt sĩ			Số tiền
	Họ và tên	Xã (phường, thị trấn)	Số sổ trợ cấp	Họ và tên	Số quyết định thờ cúng	Ngày tháng QĐ thờ cúng	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
38	Nguyễn Văn Sơn	Tiên Động		Nguyễn Hồng Dung	18457	8/5/2014	50,000
39	Nguyễn Văn Thị	Tiên Động		Nguyễn Thanh Bình	18456	8/5/2014	50,000
40	Phạm Thị Thạo	Tiên Động		Lương Xuân Khôi	18455	8/5/2014	50,000
41	Nguyễn Văn Huyền	Tiên Động		Nguyễn Văn Trà	18453	8/5/2014	50,000
42	Lâm Văn Lợi	Tiên Động		Lâm Hồng Quyền	18452	8/5/2014	50,000
43	Lâm Văn Thoại	Tiên Động		Lâm Văn Truyện	18451	8/5/2014	50,000
44	Đỗ Văn Trịnh	Tiên Động		Đỗ Văn Kính	18450	8/5/2014	50,000
45	Đinh Văn Khôi	Tiên Động		Đinh Văn Khoa	18449	8/5/2014	50,000
46	Lương Thị Ngà	Tiên Động		Lương Xuân Ngọc	18448	8/5/2014	50,000
47	Phạm Thị Quỳnh	Tiên Động		Nguyễn Văn Nở	18447	8/5/2014	50,000
48	Lương Văn Miêu	Tiên Động		Lương Văn Tảo	18446	8/5/2014	50,000
49	Phùng Thị Gấm	Tiên Động		Nguyễn Văn Hộ	18445	8/5/2014	50,000
50	Nguyễn Thị Xôi	Tiên Động		Nguyễn Văn Tuý	18444	8/5/2014	50,000
51	Nguyễn Hồng Sơ	Tiên Động		Nguyễn Văn Trọng	18443	8/5/2014	50,000
52	Đỗ Văn Cái	Tiên Động		Đỗ Văn Hào	18442	8/5/2014	50,000
53	Phùng Y	Tiên Động		Phùng Văn Tờ	18441	8/5/2014	50,000
54	Nguyễn Văn Thắm	Tiên Động		Nguyễn Văn Suý	18440	8/5/2014	50,000
55	Phạm Văn Xứng	Tiên Động		Phạm Văn Thoại	18439	8/5/2014	50,000
56	Phạm Văn Cận	Tiên Động		Phạm Văn Thích	18438	8/5/2014	50,000
57	Phạm Thị Liên	Tiên Động		Phạm Văn Phiên	18437	8/5/2014	50,000
58	Phạm Công Miên	Tiên Động		Phạm Văn Nguyên	18435	8/5/2014	50,000
59	Nguyễn Văn Thọ	Tiên Động		Nguyễn Duy Tân	18434	8/5/2014	50,000
60	Phạm Văn Huân	Tiên Động		Phạm Văn Tâm	18433	8/5/2014	50,000
61	Phạm Thị Nguyệt	Tiên Động		Phạm Văn Can	18432	8/5/2014	50,000

STT	Người nhận			Liệt sĩ			Số tiền	Ký
	Họ và tên	Xã (phường, thị trấn)	Số sổ trợ cấp	Họ và tên	Số quyết định thời cúng	Ngày tháng QĐ thời cúng		
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	
62	Nguyễn Thị Mát	Tiên Động		Phạm Văn Đăng	18431	8/5/2014	50,000	Mát
63	Nguyễn Văn Cường	Tiên Động		Nguyễn Văn Duy	18430	8/5/2014	50,000	Cường
64	Phạm Thị Ôn	Tiên Động		Phạm Văn Nguyễn	18429	8/5/2014	50,000	Ôn
65	Phạm Văn Nhượng	Tiên Động		Phạm Văn Thụ	18428	8/5/2014	50,000	Nhượng
66	Phạm Thị Cảnh	Tiên Động		Phạm Văn Ngự	18427	8/5/2014	50,000	Ph
67	Phạm Văn Thái	Tiên Động		Phạm Văn Thát	18426	8/5/2014	50,000	Thái
68	Nguyễn Văn Do	Tiên Động		Nguyễn Văn Kịch	18424	8/5/2014	50,000	Do
69	Phạm Văn Sỹ	Tiên Động		Phạm Văn Giác	18423	8/5/2014	50,000	Sỹ
70	Phạm Thị Yết	Tiên Động		Phạm Văn Ý	18422	8/5/2014	50,000	Yết
71	Nguyễn Văn Trọng	Tiên Động		Nguyễn Văn Vượng	18421	8/5/2014	50,000	Trọng
72	Nguyễn Văn Hường	Tiên Động		Nguyễn Tứ Xuyên	18420	8/5/2014	50,000	Hường
73	Phạm Khắc Thân	Tiên Động		Phạm Khắc Tinh (Tinh)	18419	8/5/2014	50,000	Thân
74	Nguyễn Văn Thúc	Tiên Động		Nguyễn Văn Thường	18418	8/5/2014	50,000	Thúc
75	Phạm Thị Reo	Tiên Động		Nguyễn Văn Nhạ	18417	8/5/2014	50,000	Reo
76	Phạm Văn Lễ	Tiên Động		Phạm Văn Tuynh	18416	8/5/2014	50,000	Lễ
77	Đinh Xuân Nhất	Tiên Động		Đinh Xuân Vũ	18415	8/5/2014	50,000	Nhất
78	Trần Thị Chanh	Tiên Động		Phạm Xuân Sửu	18414	8/5/2014	50,000	Chanh
79	Phạm Văn Dương	Tiên Động		Phạm Văn Cầu	18413	8/5/2014	50,000	Dương
80	Phạm Khắc Hải	Tiên Động		Phạm Văn Giang	18412	8/5/2014	50,000	Hải
81	Nguyễn Xuân Khoát	Tiên Động		Nguyễn Xuân Trường	18411	8/5/2014	50,000	Khoát
82	Phạm Văn Khứu	Tiên Động		Phạm Văn Gia	18410	8/5/2014	50,000	Khứu
83	Trần Văn Quý	Tiên Động		Trần Văn Lộ	18409	8/5/2014	50,000	Quý
84	Trần Văn Quảng	Tiên Động		Trần Văn Hoàn	18408	8/5/2014	50,000	Quảng
85	Trần Văn Tập	Tiên Động		Trần Đăng Khoa	18406	8/5/2014	50,000	Tập

STT	Người nhận			Liệt sĩ			Số tiền
	Họ và tên	Xã (phường, thị trấn)	Số sổ trợ cấp	Họ và tên	Số quyết định thời cúng	Ngày tháng QĐ thờ cúng	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
86	Bùi Văn Mỹ	Tiên Động		Bùi Văn Sơn	18405	8/5/2014	50,000
87	Nguyễn Thị Nha	Tiên Động		Đào Công Túc	18403	8/5/2014	50,000
88	Vũ Quang Gang	Tiên Động		Vũ Quang Sứ	18402	8/5/2014	50,000
89	Đào Xuân Xanh	Tiên Động		Đào Xuân Dịch	18401	8/5/2014	50,000
90	Nguyễn Quang Trường	Tiên Động		Nguyễn Quang Nháy	18400	8/5/2014	50,000
91	Đặng Trung Khanh	Tiên Động		Đặng Trung Trễ	18399	8/5/2014	50,000
92	Đào Quang Phiệt	Tiên Động		Đào Công Sơ	18398	8/5/2014	50,000
93	Phạm Đình Hữu	Tiên Động		Phạm Văn Thực	18397	8/5/2014	50,000
94	Nguyễn Thị Mười	Tiên Động		Nguyễn Văn Y	18395	8/5/2014	50,000
95	Vũ Văn Vang	Tiên Động		Vũ Văn Lừng	18394	8/5/2014	50,000
96	Nguyễn Hữu Vững	Tiên Động		Nguyễn Hữu Mầu	18393	8/5/2014	50,000
97	Trần Thị Thanh	Tiên Động		Trần Văn Toán	18392	8/5/2014	50,000
98	Đặng Trung Bốn	Tiên Động		Đặng Trung Thẩm	18391	8/5/2014	50,000
99	Đặng Văn Kỳ	Tiên Động		Đặng Trung Hội	18390	8/5/2014	50,000
100	Vũ Đình Bỹ	Tiên Động		Vũ Đình Tranh	18389	8/5/2014	50,000
101	Đặng Trung Thoại	Tiên Động		Đặng Trung Thẩm	18388	8/5/2014	50,000
102	Trần Văn Tuấn	Tiên Động		Trần Văn Chu	23813	2/3/2015	50,000
103	Lương Bình Nguyên	Tiên Động		Lương Minh Thái	3626	9/24/2015	50,000
104	Trần Văn Tuấn	Tiên Động		Trần Văn Hào	3627	9/24/2015	50,000
105	Phạm Văn Hải	Tiên Động		Phạm Văn Kiên	3628	9/24/2015	50,000
106	Lương Xuân Kháng	Tiên Động		Lương Xuân Kham	3630	9/24/2015	50,000
107	Trần Văn Quyết	Tiên Động		Trần Văn Hiếu	3631	9/24/2015	50,000
108	Nguyễn Văn Khanh	Tiên Động		Nguyễn Văn Nhuệ	4662	11/20/2015	50,000
109	Lâm Văn Hùng	Tiên Động		Lâm Văn Dũng	4771	11/24/2015	50,000

STT	Người nhận			Liệt sĩ			Số tiền
	Họ và tên	Xã (phường, thị trấn)	Số sổ trợ cấp	Họ và tên	Số quyết định thờ cúng	Ngày tháng QĐ thờ cúng	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
110	Vũ Xuân Mạn	Tiên Động		Vũ Xuân Ninh	5346	12/18/2015	50,000
111	Phạm Thành Trung	Tiên Động		Phạm Văn Thiềm	5345	12/18/2015	50,000
112	Đặng Văn Dũng	Tiên Động		Đặng Văn Hựu	5344	12/18/2015	50,000
113	Phùng Duy Thái	Tiên Động		Nguyễn Duy Thắm	405	1/25/2016	50,000
114	Phạm Văn Mạn	Tiên Động		Phạm Văn Vui	403	1/25/2016	50,000
115	Nguyễn Đức Hợp	Tiên Động		Nguyễn Đức Bảng	402	1/25/2016	50,000
116	Nguyễn Văn Luông	Tiên Động		Nguyễn Văn Toan	406	1/25/2016	50,000
117	Nguyễn Thị Thú	Tiên Động		Nguyễn Đăng Kịch	4657, 1063	20/11/2015, 04/11/2016	50,000
118	Nguyễn Văn Chuẩn	Tiên Động		Nguyễn Văn Thấu	251	3/2/2017	50,000
119	Nguyễn Thị Dương	Tiên Động		Phạm Văn Rụy	4308	11/11/2016	50,000
120	Phạm Văn Đoàn	Tiên Động		Phạm Văn Khoát	6019	12/6/2017	50,000
121	Nguyễn Thị Hoa	Tiên Động		Nguyễn Văn Miên	577	1/31/2018	50,000
122	Phùng Đức Kiên	Tiên Động		Phùng Thức (Phùng Văn Thước)	4397	8/8/2018	50,000
123	Trần Văn Nam	Tiên Động		Trần Văn Tứ	7448	11/2/2018	50,000
124	Phạm Thị Thơ	Tiên Động		Phạm Văn Tản	8160	11/19/2018	50,000
125	Trịnh Thị Ninh	Tiên Động		Trịnh Văn Vị	8149	11/19/2018	50,000
126	Phùng Thị Hường	Tiên Động		Phùng Văn Thuyết	3415	6/12/2019	50,000
127	Phạm Văn Đài	Tiên Động		Phạm Văn Các	3422	6/12/2019	50,000
128	Trần Quang Tuyển	Tiên Động		Trần Xuân Nở	6136	10/30/2019	50,000
129	Phạm Thị Duyên	Tiên Động		Phạm Văn Viết	6132	10/30/2019	50,000
130	Nguyễn Thị Ngát	Tiên Động		Nguyễn Văn Chuân	5846	10/14/2019	50,000
131	Nguyễn Văn Vượng	Tiên Động		Nguyễn Văn Linh	6756	16/11/2020	50,000
132	Đặng Văn Nam	Tiên Động		Đặng Văn Giao	6753	16/11/2020	50,000
133	Đào Thị Thùy	Tiên Động		Đào Công Giảng	6947	16/11/2020	50,000

STT	Người nhận			Liệt sĩ			Số tiền
	Họ và tên	Xã (phường, thị trấn)	Số sổ trợ cấp	Họ và tên	Số quyết định thờ cúng	Ngày tháng QĐ thờ cúng	
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
134	Đỗ Văn Huyền	Tiên Động		Đỗ Tiến Tạo	29	06/01/2020	50,000
135	Trần Văn Lương	Tiên Động		Trần Văn Nuôi	1387	09/4/2021	50,000
136	Phạm Bá Thanh	Tiên Động		Phạm Văn Đáp			50,000
137	Đoàn Văn Thiêng	Tiên Động		Đoàn Văn Thọ			50,000
138	Lâm Thị Tín	Tiên Động		Vũ Văn Năng			50,000
139	Nguyễn Văn Trường	Tiên Động		Nguyễn Tiến Nhác			50,000
140	Đào Thị Duyên	Tiên Động		Đào Xuân Vinh			50,000
141	Đình Văn Công	Tiên Động		Đình Xuân Vàng			50,000
142	Phạm Văn Luyện	Tiên Động		Phạm Văn Ninh			50,000
143	Nguyễn Văn Lãng	Tiên Động		Nguyễn Văn Cui			50,000
144	Nguyễn Huy Linh	Tiên Động		Nguyễn Ngọc Văn			50,000
145	Trần Văn Hải	Tiên Động		Trần Văn Hóa			50,000
146	Nguyễn Văn Nguyên	Tiên Động		Nguyễn Minh Đăng			50,000
IX	Người hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg						50,000
1	Nguyễn Duy Chúc	Tiên Động	34783				50,000
2	Nguyễn Hoài Văn	Tiên Động	34982				50,000
3	Nguyễn Quang Đạo	Tiên Động	34784				50,000
X	Người hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg						50,000
1	Lâm Văn Bính	Tiên Động	36109				50,000
XII	Con đẻ của Người tham gia hoạt động kháng chiến bị nhiễm Chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng						50,000
1	Lâm Quang Thịnh	Tiên Động	2537				50,000
2	Nguyễn Văn Quỳnh	Tiên Động	2538				50,000
3	Phùng Thị Quyền	Tiên Động	2542				50,000
4	Nguyễn Thị Lê	Tiên Động	2543				50,000

STT	Người nhận			Liệt kê			Số tiền	Ký nhận (Ký, ghi rõ họ tên)	Ghi chú
	Họ và tên	Xã (phường, thị trấn)	Số sổ trợ cấp	Họ và tên	Số quyết định thờ cúng	Ngày tháng QĐ thờ cúng			
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(13)	(14)
5	Trần Văn Sỹ	Tiền Đông	2544				50,000	Trần Văn Sỹ	
6	Nguyễn Văn Mạnh	Tiền Đông	2548				50,000	Ng. V. Mạnh	
7	Phạm Thị Hoài	Tiền Đông	2539				50,000	Phạm Thị Hoài	
8	Phạm Văn Tiến	Tiền Đông	2545				50,000	Phạm Văn Tiến	
9	Phạm Văn Anh	Tiền Đông	2547				50,000	Phạm Văn Anh	
10	Phạm Thị Vân	Tiền Đông	2540				50,000	Phạm Thị Vân	
11	Phạm Thị Tinh	Tiền Đông	3279				50,000	Phạm Thị Tinh	
12	Trần Văn Thế	Tiền Đông	2535				50,000	Trần Văn Thế	
13	Phạm Khắc Định	Tiền Đông	2536				50,000	Phạm Khắc Định	
Tổng cộng							14,950,000		

Người lập



Phạm Thị Hồng Vân

Ngày 11 tháng 1 năm 2021
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Chủ tịch



Nguyễn Văn Liệu